**Bài 6. Thuỷ văn Việt Nam (5tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức

- Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.

- Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.

- Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

- Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, phân tích được sự phân hoá đa dạng của mạng lưới thuỷ văn Việt Nam.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống, phân tích mối quan hệ giữa đặc điểm thuỷ văn Việt Nam với các thành phần tự nhiên khác.

3. Phẩm chất

- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ tài nguyên nước.

- Chăm chỉ: tìm hiểu kiến thức trên internet phục vụ học tập, yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Đối với giáo viên.

- Bản đồ lưu vực các hệ thống sông lớn ở Việt Nam

- Một số hình ảnh, video vẽ sông, hồ, đầm của Việt Nam và tại địa phương

2. Đối với học sinh.

Sách GK và vở ghi

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu**  - Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS vẽ sông, hồ, đầm, nước ngầm với nội dung bài học.  - Tạo hứng thú, kích thích tò mò của người học.  **b. Nội dung**  HS quan sát video và thực hiện các yêu cầu của GV  **c. Sản phẩm**  - Câu trả lời cá nhân của học sinh.  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ  HS theo dõi, quan sát một số hình ảnh, video vẽ mạng lưới thuỷ văn Việt Nam, đưa ra các câu hỏi gợi mở:  *+ Qua quan sát (theo dõi) các hình ảnh (video) em có nhận xét gì vẽ mạng lưới sông, hồ, đầm ở nước ta?*  *+ Kể tên sông, hồ, đầm có ở địa phương?*  *+ Sông, hồ, đầm có vai trò gi đối với môi trường tự nhiên, sản xuất và đời sống của con người?...*  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức, và kết nối vào bài học | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **2.1. Tìm hiểu về Sông ngòi.**  **a) Đặc điểm chung**  **a. Mục tiêu**  - Trình bày được đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam.  - Rèn luyện kĩ năng đọc bản đồ để xác định lưu vực của các hệ thống sông lớn kết hợp các kiến thức đã học giải thích được các đặc điểm sông ngòi Việt Nam.  **b. Nội dung**  HS làm việc cá nhân/cặp nhóm để trả lời các câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS quan sát hình 6.1, xác định phạm vi lưu vực của ba hệ thống sông: Hồng, Thu Bồn, Mê Công ở lãnh thổ Việt Nam.  - GV yêu cẩu HS đọc thông tin trong SGK và trình bày đặc điểm sông ngòi nước ta. GV gợi ý các nội dung HS cẩn nêu được khi *trình bày vẽ đặc điểm sông ngòi: đặc điểm mạng lưới sông ngòi, hướng chảy, chế độ dòng chảy và lượng phù sa của sông ngòi.*  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - GV có thể mở rộng cho HS vể nguyên nhân dẫn đến các đặc điểm của sông ngòi Việt Nam bằng các cầu hỏi gợi mở, kết nối các kiến thức đã học về địa hình, khí hậu để giải thích, nhằm khắc sầu thêm nội dung của mục. Các cầu hỏi gợi mở: Vì sao phần lớn sông ngòi nước ta thường nhỏ, ngắn, dốc? Đặc điểm khí hậu có ảnh hưởng như thế nào đến chế độ dòng chảy của sông ngòi nước ta?... | **1.** Sông ngòi  **a) Đặc điểm chung .**  + Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phần bố rộng khắp trên đất liễn. Phần lớn là sông nhỏ.  + Chủ yếu chảy theo hai hướng chính là tầy bắc - đông nam và vòng cung, một số sông chảy theo hướng tây - đông,...  + Chế độ dòng chảy phân hai mùa rõ rệt: mùa lũ và mùa cạn. Lượng nước tập trung chủ yếu vào mùa lũ (70 - 80% tổng lượng nước cả năm).  + Có nhiều nước (hơn 800 tỉ m3/năm) và lượng phù sa khá lớn |
| **2.1. Tìm hiểu về Sông ngòi.**  **a) Đặc điểm chung**  **a. Mục tiêu**  - Trình bày được đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam.  - Rèn luyện kĩ năng đọc bản đồ để xác định lưu vực của các hệ thống sông lớn kết hợp các kiến thức đã học giải thích được các đặc điểm sông ngòi Việt Nam.  **b. Nội dung**  HS làm việc cá nhân/cặp nhóm để trả lời các câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Cách thức tổ chức** | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS quan sát hình 6.1, xác định phạm vi lưu vực của ba hệ thống sông: Hồng, Thu Bồn, Mê Công ở lãnh thổ Việt Nam.  - GV yêu cẩu HS đọc thông tin trong SGK và trình bày đặc điểm sông ngòi nước ta. GV gợi ý các nội dung HS cẩn nêu được khi *trình bày vẽ đặc điểm sông ngòi: đặc điểm mạng lưới sông ngòi, hướng chảy, chế độ dòng chảy và lượng phù sa của sông ngòi.*  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm cá nhân  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - GV có thể mở rộng cho HS về nguyên nhân dẫn đến các đặc điểm của sông ngòi Việt Nam bằng các câu hỏi gợi mở, kết nối các kiến thức đã học về địa hình, khí hậu để giải thích, nhằm khắc sầu thêm nội dung của mục. Các cầu hỏi gợi mở: Vì sao phần lớn sông ngòi nước ta thường nhỏ, ngắn, dốc? Đặc điểm khí hậu có ảnh hưởng như thế nào đến chế độ dòng chảy của sông ngòi nước ta?... | **1.** Sông ngòi  **a) Đặc điểm chung .**  + Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phần bố rộng khắp trên đất liễn. Phần lớn là sông nhỏ.  + Chủ yếu chảy theo hai hướng chính là tầy bắc - đông nam và vòng cung, một số sông chảy theo hướng tây - đông,...  + Chế độ dòng chảy phân hai mùa rõ rệt: mùa lũ và mùa cạn. Lượng nước tập trung chủ yếu vào mùa lũ (70 - 80% tổng lượng nước cả năm).  + Có nhiều nước (hơn 800 tỉ m3/năm) và lượng phù sa khá lớn |
| **b, Một số hệ thống sông lớn.**  a. Mục tiêu  - Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.  - Đọc lược đồ lưu vực để nhận xét được đặc điểm mạng lưới sông.  b. Nội dung: HS sử dụng kênh hình, kênh chữ SGK hoàn thành phiếu học tập sau.  c. Sản Phẩm: Phiếu học tập.  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Giao nhiệm vụ  - GV có thể tổ chức hoạt động học tập theo nhóm, chia nhóm tìm hiểu vể đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước của một hệ thống sông.  - GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong SGK và quan sát lược đồ. GV có thể thiết kế phiếu học tập để các nhóm trình bầy kết quả làm việc.  Phiếu học tập: Dựa vào kênh hình, kênh chữ SGK   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | HT sông Hồng | HT sông Thu Bồn | HT sông Mê Công. | | Đặc điểm mạng lưới sông |  |  |  | | Chế độ nước sông |  |  |  |   **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trao đổi và trả lời câu hỏi  **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc  - HS trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức:  - GV mở rộng kiến thức, cho HS quan sát về hình ảnh thực tế các con sông. | **b) Một số hệ thống sông lớn.**  . |
| **BẢNG CHUẨN KIẾN THỨC.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **HT sông Hồng** | **HT sông Thu Bồn** | **HT sông Mê Công.** | | **Đặc điểm mạng lưới sông** | Có hai phụ lưu chính là sông Đà và sông Lô. Tất cả các phụ lưu lớn hợp với dòng chính sông Hồng tạo thành một mạng lưới sông hình nan quạt, hội tụ tại Việt Trì (Phú Thọ). | Có 78 phụ lưu có chiểu dài trên 10 km. Các sông, suối trong hệ thống sông thường ngắn và dốc, phần thành nhiẽu lưu vực nhỏ độc lập. Mạng lưới sông có dạng nan quạt. | Tại Việt Nam sông dài hơn 230 km, có nhiễu phụ lưu, riêng ở Việt Nam có 286 phụ lưu, lớn nhất là sông Srê Pôk. Mạng lưới sông có hình lông chim. Hai chi lưu lớn ở Việt Nam là sông Tiển và sông Hậu, được chia ra thành nhiểu sông nhỏ cùng hệ thống kênh rạch chằng chịt. | | **Chế độ nước sông** | Có hai mùa:  + Mùa lũ bắt đầu từ tháng ố và kết thúc vào tháng 10 phù hợp với mùa mưa, chiếm khoảng 75% tổng lượng nước cả năm; + Mùa cạn bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào tháng 5 năm sau, chỉ chiếm khoảng 25% tổng lượng nước cả năm. | Chia làm hai mùa rõ rệt: + Mùa lũ diễn ra từ tháng 9 đến tháng 12 phù hợp với mùa mưa thu đông và mùa bão, mùa lũ chiếm khoảng 65 % tổng lượng nước cả năm  + Mùa cạn kéo dài từ tháng 1 đến tháng 9, chiếm 35% tổng lượng nước cả năm. | Có hai mùa:  + Mùa lũ bắt đầu từ tháng ố và kết thúc vào tháng 10 phù hợp với mùa mưa, chiếm khoảng 75% tổng lượng nước cả năm  + Mùa cạn bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào tháng 5 năm sau, chỉ chiếm khoảng 25% tổng lượng nước cả năm. | | |
| **2.2. Tìm hiểu về Hồ, đầm**  a. Mục tiêu  - Phân tích được vai trò của hồ, đầm đối với sản xuất và sinh hoạt ở nước ta.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát, theo dõi tranh ảnh, video để khai thác tri thức liên quan đến nội dung học tập.  b. Nội dung: HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi  c. Sản Phẩm: Câu trả lời của HS  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV tổ chức cho HS hoạt động theo cặp đôi, tìm hiểu vai trò của hổ, đầm với đời sống sinh hoạt, sản xuất. Ngoài những hình ảnh trong SGK, GV có thể cung cấp thêm tranh ảnh hoặc video vẽ vai trò của hồ, đầm để HS quan sát.  - GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ, có thể liên hệ với địa phương để thấy được vai trò của hồ, đầm  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ nhóm  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  - HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức:  - GV cung cấp thêm cho HS những hình ảnh về 1 số hồ tiêu biểu: Hồ Ba Bể, hồ Tơ Nưng ... | **2. Hồ, đầm**  - Đối với sản xuất:  + Nông nghiệp: cung cấp nước cho trồng trọt và chăn nuôi. nuôi trồng, đánh bắt thuỷ sản.  + Công nghiệp: phát triển thuỷ điện. Hồ cung cấp nước cho các ngành công nghiệp như: chế biến lương thực - thực phẩm, khai khoáng,...  + Dịch vụ: khai thác để phát triển du lịch.  - Đối với sinh hoạt: Phục vụ nhu cầu nước trong sinh hoạt, là nguồn dự trữ nước ngọt lớn; đóng vai trò đâm bảo an ninh nguồn nước, nhất là ở các khu vực có mùa khô sâu sắc |
| **2.3. Tìm hiểu về Nước ngầm**  a. Mục tiêu  - Phân tích được vai trò của nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt ở nước ta.  - Vận dụng kiến thức địa lí vào đời sống để lấy được ví dụ vẽ vai trò của nước ngầm đối với đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dần.  b. Nội dung:.  c. Sản Phẩm: Câu trả lời của HS  d. Cách thức tổ chức | |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK để tìm hiểu vai trò của nước ngầm đối với đời sống sinh hoạt và sản xuất. - GV có thể đưa ra những cầu hỏi gợi mở, cho HS liên hệ với địa phương để HS thấy được vai trò của nước ngầm (nếu có)  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ nhóm  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  - HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.  - Chuẩn kiến thức:  - GV cung cấp thêm cho HS những hình ảnh về 1 số hồ tiêu biểu: Hồ Ba Bể, hồ Tơ Nưng ... | **3. Nước ngầm**  - Đối với sản xuất:  + Nông nghiệp: cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản,...) đặc biệt với các vùng khan hiếm nước mặt như Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ.  + Công nghiệp: được sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp như: chế biến lương thực - thực phẩm, sản xuất giấy,...  + Dịch vự Một số nguồn nước nóng, nước khoáng được khai thác để chữa bệnh và phát triển du lịch nghỉ dưỡng.  - Đối với sinh hoạt: Nước ngầm là nguồn nước quan trọng phục vụ cho sinh hoạt của người dần ở nước ta |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **a. Mục tiêu**  Củng cố kiến thức về thuỷ văn Việt Nam:  - Chế độ nước sông của ba hệ thống sông.  - Xác định trên bản đồ vị trí một số sông, hồ ở nước ta.  **b. Nội dung**  HS hoàn thành bảng mẫu  **c. Sản phẩm:** bảng mẫu  **d. Cách thức tổ chức**  **Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh:  - GV hướng dẫn HS khai thác thông tin từ mục 2, kiến thức đã học, làm việc cá nhân và hoàn thành bảng SGK / 125  - HS dựa vào hình ố.l để xác định trên bản đổ vị trí một số sông, hồ ở nước ta.  **Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc  **Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức  **Bảng chuẩn kiến thức**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Hệ thống sông**  **Chế độ nước** | **Sông Hồng** | **Sông Thu Bổn** | **Sông Mê Công** | | Thời gian mùa lũ | Tháng ố - 10 | Tháng 9-12 | **Tháng 7-11** | | Thời gian mùa cạn | Tháng 11-5 | Tháng 1 - 8 | **Tháng 12-6** | | |
| **4. Hoạt động vận dụng, mở rộng**  **a. Mục tiêu**  - Tìm hiểu vể vai trò của một dòng sông hoặc hồ ở nước ta đối với sinh hoạt và sản xuất.  - Phát triển các năng lực tự chủ và tự học, năng lực tìm hiểu địa lí và đặc biệt năng lực vận dụng kiến thúc, kĩ năng địa lí vào cuộc sống.  **b. Nội dung**  HS tìm kiếm thông tin trên báo, mạng về  **c. Sản Phẩm**  Hình ảnh, video  **d. Cách thức tổ chức**  - GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà dưới sự hướng dẫn tìm kiếm các thông tin của GV.  HS trình bày báo cáo kết quả trước lớp vào giờ học hôm sau. | |